

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/DS-ST

Ngày: 18-12-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;
2. Ông Mai Văn Tự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn B, sinh năm: 1961; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th (H), sinh năm: 1974; địa chỉ cư trú: Ấp LT, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1961; địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã BC, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-7-2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Văn B trình bày:

Ông với chị T chỉ quen biết với nhau do chị T mua bàn ghế ở cửa hàng của ông. Vào ngày 16-01-2013 chị T mua 01 bộ bàn ghế gỗ tràm vàng mặt gỗ đỏ tại cửa hàng đồ gỗ mỹ nghệ cao cấp BK do ông làm chủ với giá 18.000.000 đồng, vợ ông là bà Nguyễn Thị Th trực tiếp bán hàng và nhận tiền của chị T, hai bên có ký

vào hóa đơn bán hàng ngày 16-01-2013 bên chủ cửa hàng và bên khách hàng; có ghi vào hóa đơn là chưa thanh toán tiền. Sau đó, chị T thanh toán dần cho vợ chồng ông được số tiền 7.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 26-01-2013 trả 5.000.000 đồng, sau đó trả tiếp 1.000.000 đồng vào thời gian không nhớ rõ do không ghi ngày tháng vào mặt sau hóa đơn; ngày 15-5-2013 trả 500.000 đồng; ngày 17-6-2016 trả 300.000 đồng; ngày 13-8-2017 trả 200.000 đồng; chị T còn nợ lại 11.000.000 đồng nhưng không trả, vợ chồng ông đi đòi nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông khởi kiện đến Tòa án. Sau khi khởi kiện chị T cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết vụ án, vào ngày 20-9-2020 chị T có trả cho vợ chồng ông số tiền 1.000.000 đồng, do vậy nay ông yêu cầu chị T trả số tiền mua bàn ghế còn nợ là 10.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 13-8-2017 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th (H) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt nên không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Bà là vợ của ông Vũ Văn B, nguyên vào ngày 16-01-2013 chị T có mua 01 bộ bàn ghế gỗ tràm vàng mặt gỗ đỏ với giá 18.000.000 đồng, bà trực tiếp bán hàng cho chị T, hai bên có ký vào hóa đơn bán hàng ngày 16-01-2013 bên chủ cửa hàng và bên khách hàng; có ghi vào hóa đơn là chưa thanh toán tiền. Sau đó, chị T thanh toán dần cho vợ chồng bà được số tiền 7.000.000 đồng, bà là người trực tiếp nhận tiền, còn nợ lại 11.000.000 đồng không trả nên ông B khởi kiện đến Tòa án. Bà thống nhất để ông B đứng đơn khởi kiện, bà không tham gia tố tụng trong vụ án này, mọi ý kiến, quyết định của ông B là ý kiến, quyết định của bà, không thắc mắc hay khiếu nại gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Ông Vũ Văn B khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với chị Nguyễn Thị Th (H) cư trú tại Huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Vũ Văn B, bà Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị Th (H) tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt, là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Giữa vợ chồng ông B bà Th và chị T (H) có giao kết với nhau hợp đồng mua bán 01 bộ bàn ghế giá 18.000.000 đồng là thật, thể hiện qua hóa đơn bán hàng ngày 16-01-2013, chị T (H) ký tên và ghi rõ họ tên vào mục khách hàng. Chị T (H) đã trả cho vợ chồng ông B bà Th 8.000.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng chưa trả. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B buộc chị T (H) trả cho vợ chồng ông 10.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự 2015.

Xét thấy khi mua bán các bên không thỏa thuận việc trả lãi, chị T (H) đã trả dần cho vợ chồng ông B được số tiền 7.000.000 đồng từ ngày 26-01-2013 đến ngày 13-8-2017, còn nợ lại 11.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa (Đến ngày 20-9-2020 trả được thêm 1.000.000 đồng). Do đó, ông B yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 13-8-2017 là có cơ sở chấp nhận. Lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, số tiền 11.000.000 đồng tính từ ngày 13-8-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 18-12-2020 là 03 năm 04 tháng 05 ngày, với mức lãi suất 10%/năm thành tiền là 3.681.735 đồng.

Như vậy chị T (H) có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông B và bà Th số tiền 13.681.735 đồng; bao gồm: Nợ gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 3.681.735 đồng.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 13.681.735 đồng x 5% = 684.087 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 267 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B đối với chị Nguyễn Thị Th (H) về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc chị Nguyễn Thị Th (H) có trách nhiệm trả cho ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị Th số tiền 13.681.735 đồng; bao gồm: Nợ gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 3.681.735 đồng.

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th (H) phải chịu án phí là 684.087 đồng. Ông Vũ Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông B 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004849 ngày 14-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

3. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân Huyện D;
- Chi cục THADS Huyện D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Huỳnh Châu